

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 7 - 2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hồng Vân

*Các Hội thẩm nhân dân* Ông Phan Hòa

Ông Trần Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định hoãn số phiên tòa số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị X, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm Nam X, xã Diễn X, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm Nam X, xã Diễn X, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại Đức. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai nguyên đơn Chị Lê Thị X trình bày:* Chị và Anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Diễn X, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì năm 2019 anh Đ đi xuất khẩu lao động tại nước Đức. Thời gian đầu hai vợ

chồng vẫn thường xuyên liên lạc. Sau một thời gian do ở xa nhau nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, anh Đ có người phụ nữ khác. Đến năm 2020, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau về vật chất lẫn tinh thần. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Lê Thị X và Anh Nguyễn Văn Đ có ba con chung là cháu Nguyễn Lê Tú L, sinh ngày 04/10/2015, Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 05/11/2016, Nguyễn Lê Khánh Ch, sinh ngày 25/01/2020, hiện nay các cháu đang sống cùng với mẹ. Ly hôn, chị X có nguyện vọng Tòa án giao các con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là Anh Nguyễn Văn Đ:* Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt. Chị Lê Thị X không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh Đ cư trú, chị chỉ biết hiện nay anh Đ đang sinh sống tại Đức. Tòa án đã hai lần gửi văn bản yêu cầu bà Phan Thị B (là mẹ đẻ của anh Đ), trú tại: Xóm Nam X, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu bà thông báo với anh Đ để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, tại đơn trình bày ý kiến bà B bày cho biết thời gian ở nước ngoài, anh Đ thường xuyên liên lạc về với bà qua điện thoại còn địa chỉ cụ thể của anh Đ thì anh Đ không cung cấp nên bà không biết. Bà đã thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị X và anh Đ, thông qua bà anh Đ đồng ý ly hôn với chị X và đồng ý để chị X nuôi dưỡng các con chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị Lê Thị X ly hôn với Anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Lê Tú L, sinh ngày 04/10/2015, Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 05/11/2016, Nguyễn Lê Khánh Ch, sinh ngày 25/01/2020 cho Chị Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu nên không xem xét; giành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị X hiện cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Văn Đ hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh Đ có địa chỉ cư trú tại xã Diễn X, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt, Tòa án đã gửi công văn yêu cầu bà Phan Thị B (là mẹ đẻ của anh Đ) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh Đ biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, bà không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh Đ; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Đ liên quan đến yêu cầu khởi kiện nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh Đ trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Chị Lê Thị X có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lê Thị X, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X và Anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị X và anh Đ sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì năm 2019 anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đức. Từ đó hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Từ đó đến nay chị X và anh Đ không liên lạc với nhau. Xét thấy, chị X và anh Đ không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho Chị Lê Thị X được ly hôn Anh Nguyễn Văn Đ.

[2.2]. Về con chung: Chị Lê Thị X và Anh Nguyễn Văn Đ có ba con chung là cháu Nguyễn Lê Tú L, sinh ngày 04/10/2015, Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 05/11/2016, Nguyễn Lê Khánh Ch, sinh ngày 25/01/2020, hiện các con đang ở với chị X. Ly hôn, chị X có nguyện vọng giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của chị X là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế, vì hiện nay, Anh Nguyễn Văn Đ đang ở nước ngoài và cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị X. Giao cho chị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Lê Tú L, sinh ngày 04/10/2015, Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 05/11/2016, Nguyễn Lê Khánh Ch, sinh ngày 25/01/2020 cho đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho chị X khi có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị X.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X được ly hôn Anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Tú L, sinh ngày 04/10/2015, Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 05/11/2016, Nguyễn Lê Khánh Ch, sinh ngày 25/01/2020 cho Chị Lê Thị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X chưa yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị X không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011885 ngày 06/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Chị Lê Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn X, huyện Diễn Ch;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Thái Thị Hồng Vân**





